**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**BỘ MÔN:** ĐỊA LÍ

**KHỐI:** 10

**TUẦN:** 13/HKI (Từ ngày 29/11 đến 04/12/2021)

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**BÀI 24: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ, CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ**

**VÀ ĐÔ THỊ HÓA**

**I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**NỘI DUNG I:** SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ

- Học sinh đọc nội dung mục I (Sự phân bố dân cư) trang 93, 94/SGK gồm khái niệm, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư.

- Học sinh quan sát bảng số liệu 24.1 (Phân bố dân cư theo châu lục, năm 2005) trang 93/SGK, bảng 24.2 (Tỉ trọng phân bố dân cư theo các châu lục, thời kì 1650 – 2005) trang 94/SGK.

**NỘI DUNG II:** CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ (Học sinh tự học)

**NỘI DUNG III:** ĐÔ THỊ HÓA

- Học sinh đọc nội dung mục III (Đô thị hóa) trang 95, 96, 97/SGK gồm khái niệm đô thị hóa, đặc điểm và ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

- Học sinh quan sát bảng số liệu 24.3 (Tỉ lệ dân cư thành thị và nông thôn, thời kì 1900 – 2005) trang 95/SGK, hình 24 (Bản đồ tỉ lệ dân thành thị trên thế giới, thời kì 2000 – 2005) trang 96/SGK.

**II. KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

***1. Phân bố dân cư***

*a. Khái niệm*

- Là sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội.

- Tiêu chí đánh giá: Mật độ dân số (người/km2)

Số dân (người)

**Mật độ dân số**

=

Diện tích (km2)

*b. Đặc điểm* (Học sinh tự học)

*c. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư*

- Điều kiện tự nhiên: Khí hậu, nguồn nước, địa hình, đất, khoáng sản,…

- Điều kiện kinh tế - xã hội: Phương thức sản xuất (tính chất của nền kinh tế), trình độ phát triển kinh tế quyết định đến cư trú.

- Lịch sử khai thác lãnh thổ, chuyển cư.

***2. Đô thị hóa***

*a. Khái niệm*

- Là quá trình tăng nhanh số lượng và quy mô của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và phố biến rộng rãi lối sống thành thị.

*b. Đặc điểm*

- Dân cư thành thị có xu hướng tăng nhanh

- Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn

- Phố biến rộng rãi lối sống thành thị

*c. Ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường*

- Tích cực: Thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi sự phân bố dân cư, thay đổi các quá trình sinh tử và hôn nhân ở các đô thị.

- Tiêu cực: Nếu đô thị hóa không xuất phát từ công nghiệp hóa (tự phát)

+ Nông thôn: Mất đi một phần nhân lực

+ Thành phố: Thất nghiệp, thiếu việc làm, nghèo nàn, ô nhiễm môi trường, an ninh xã hội.

**III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

***1. Phần tự luận***

*Câu 1:* Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư.

*Câu 2:* Phân tích ảnh hưởng của đô thị hóa đến kinh tế, xã hội và môi trường.

*Câu 3:* Cho bảng số liệu sau

***Dân số và diện tích của một số khu vực ở châu Á năm 2020***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vực | Dân số (triệu người) | Diện tích (triệu km2) |
| Đông Nam Á | 668,6 | 4,34 |
| Đông Á | 1 678,1 | 11,56 |
| Nam Á | 1 940,4 | 6,39 |
| Tây Nam Á | 279,6 | 4,8 |
| Trung Á | 74,3 | 3,9 |
| Châu Á*(không tính Liên Bang Nga)* | 4 641,1 | 31,1 |

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy tính mật độ dân số của các khu vực ở châu Á và nêu nhận xét.

***2. Phần trắc nghiệm***

*Câu 1:* Sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội được gọi là gì?

A. Đô thị hóa.

B. Sự phân bố dân cư.

C. Cơ cấu dân số.

D. Mật độ dân số.

*Câu 2:* Đâu là hệ quả của vấn đề đô thị hóa tự phát?

A. Làm thay đổi sự phân bố dân cư.

B. Làm thay đổi tỉ lệ sinh và tử.

C. Làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

D. Làm ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tệ nạn xã hội ngày càng tăng.

*Câu 3:* Cho bảng số liệu sau đây

***Tỉ lệ dân cư thành thị và nông thôn của thế giới, thời kì 1980 – 2017 (%)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1980** | **1990** | **2005** | **2010** | **2017** |
| Thành thị | 39,6 | 43,0 | 48,0 | 51,6 | 54,3 |
| Nông thôn | 60,4 | 57,0 | 52,0 | 48,4 | 45,7 |

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới năm 1980 và năm 2017, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ tròn.

D. Biểu đồ kết hợp.

*Câu 4:* Nhận định nào sau đây ***không*** đúng về tác động tiêu cực của đô thị hóa?

A. Nguồn nhân lực ở nông thôn có xu hướng giảm đi.

B. Tỉ lệ dân cư thành thị tăng lên một cách tự phát.

C. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

D. Tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng cao.

*Câu 5:* Tỉ lệ dân cư thành thị tăng là biểu hiện của vấn đề dân cư nào sau đây?

A. Quá trình đô thị hóa.

B. Gia tăng dân số.

C. Sự phân bố dân cư không đồng đều.

D. Mức sống dân cư tăng.

*Câu 6:* Nhận định nào sau đây đúng về quá trình đô thị hóa?

A. Hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn giảm mạnh.

B. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.

C. Tình trạng thất nghiệp ở nông thôn tăng mạnh.

D. Tốc độ tăng trưởng dân số thành thị có xu hướng giảm.

*Câu 7:* Nhân tố nào sau đây có tính chất quyết định đến sự phân bố dân cư?

A. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

B. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

C. Tình hình xuất cư và nhập cư.

D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất nền kinh tế.

Câu 8: Đô thị hóa gắn liền với sự hình thành và phát triển của

A. công nghiệp hóa.

B. kiến trúc thành phồ.

C. cơ sở hạ tầng đô thị.

D. mạng lưới đô thị.

*Câu 9:* Cho bảng số liệu sau

***Tỉ trọng phân bố dân cư theo các châu lục trên thế giới, thời kì 1650 – 2017 (%)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Châu lục** | **1650** | **1750** | **1850** | **2005** | **2017** |
| Châu Á | 53,8 | 61,5 | 61,6 | 59,8 | 59,6 |
| Châu Âu | 21,5 | 21,2 | 24,2 | 10,1 | 9,9 |
| Châu Mỹ | 2,8 | 1,9 | 5,4 | 13,5 | 13,3 |
| Châu Phi | 21,5 | 15,1 | 9,1 | 16,1 | 16,6 |
| Châu Đại Dương | 0,4 | 0,3 | 0,2 | 0,5 | 0,6 |

Nhận xét nào sau đâu ***không*** đúng về tình hình dân số thế giới thời kì 1650 – 2017?

A. Dân số châu Á luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng.

B. Tỉ trọng dân cư châu Phi có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

C. Dân số châu Đại Dương chiếm tỉ trọng nhỏ nhất và có xu hướng tăng.

D. Tỉ trọng dân cư châu Mỹ nhìn chung có xu hướng tăng.

*Câu 10:* Cho biểu đồ sau đây

***Mật độ dân số của các châu lục và khu vực năm 2020 (người/km2)***

Nhận xét nào sau đây ***không*** đúng về mật độ dân số của các châu lục và khu vực năm 2020?

A. Châu Á có mật độ dân số cao nhất thế giới.

B. Châu Phi và Bắc Mỹ có mật độ dân số thấp hơn so với trung bình thế giới.

C. Châu Âu có mật độ dân số cao hơn Bắc Mỹ và châu Đại Dương.

D. Châu Phi có mật độ dân số thấp hơn thế giới, Bắc Mỹ và châu Âu.

**IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ**

Học sinh đọc trước và chuẩn bị bài 25 (Thực hành – Phân tích bản đồ phân bố dân cư thế giới) trang 98/SGK.

**V. ĐÁP ÁN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

***1. Phần tự luận***

***Câu 1:*** *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư.*

- Nhân tố tự nhiên bao gồm khí hậu, đất đai, nguồn nước, địa hình: Khí hậu ôn hòa, ấm áp, nóng ẩm; nguồn nước phong phú, những vùng đồng bằng châu thổ, phù sa, đất đai màu mỡ, tài nguyên thiên nhiên phong phú thì dân cư có xu hướng tập trung đông đúc, thuận lợi cho sản xuất.

- Nhân tố kinh tế - xã hội:

+ Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất: Các đô thị trở thành nơi thu hút lực lượng lao động và dân cư tập trung đông.

+ Tính chất của nền kinh tế: Dân cư có xu hướng tập trung đông ở các đô thị mà hoạt động công nghiệp và dịch vụ chiếm phần lớn.

+ Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời thì dân cư đông hơn các vùng mới khai thác

+ Chuyển cư: Dân cư có xu hướng nhập cư đến những vùng có điều kiện sống tốt, điều kiện tự nhiên thuận lợi.

***Câu 2:*** *Phân tích ảnh hưởng của đô thị hóa đến kinh tế, xã hội và môi trường.*

*- Tích cực*

+ Đô thị hóa góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động

+ Thay đổi sự phân bố dân cư và lao động

+ Thay đổi quá trình sinh, tử và hôn nhân đô thị

+ Hình thành môi trường sống, văn minh đô thị

*- Tiêu cực*

+ Nếu đô thị hóa không xuất phát từ quá trình công nghiệp hóa thì việc dân cư ồ ạt kéo vào các đô thị sẽ làm cho nông thôn mất đi một phần nhân lực, trong khi đó nạn thiếu việc làm, nghèo nàn ở các thành phố ngày càng tăng lên.

+ Tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp tăng lên

+ Sức ép về không gian sống đô thị

+ Điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, môi trường ô nhiễm và ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội.

***Câu 3:*** *Dựa vào bảng số liệu trên, hãy tính mật độ dân số của các khu vực ở châu Á và nêu nhận xét.*

*- Tính mật độ dân số của các khu vực ở châu Á*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vực | Dân số (triệu người) | Diện tích (triệu km2) | **Mật độ dân số**(người/km2) |
| Đông Nam Á | 668,6 | 4,34 | **154** |
| Đông Á | 1 678,1 | 11,56 | **145** |
| Nam Á | 1 940,4 | 6,39 | **304** |
| Tây Nam Á | 279,6 | 4,8 | **58** |
| Trung Á | 74,3 | 3,9 | **19** |
| ***Châu Á*** | ***4 641,1*** | ***31,1*** | ***149*** |

*- Nhận xét về mật độ dân số của các khu vực ở châu Á*

+ Mật độ dân số có sự khác nhau giữa các khu vực ở châu Á

+ Các khu vực có mật độ dân số cao hơn mức trung bình chung của châu Á bao gồm khu vực Nam Á (304 người/km2), tiếp đến là khu vực Đông Nam Á (154 người/km2).

+ Các khu vực có mật độ dân số thấp hơn mức trung bình chung của châu Á gồm có Đông Á (145 người/km2), Tây Nam Á (58 người/km2), Trung Á (19 người/km2).

+ Khu vực Nam Á có mật độ dân số cao nhất ở châu Á, gấp 16 lần so với khu vực Trung Á và 5,2 lần so với khu vực Tây Nam Á.

***2. Phần trắc nghiệm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| Đáp án | B | D | C | C | A | B | D | A | B | D |

Ghi chú: Giáo viên hỗ trợ: Thầy Trương Công Thái – SĐT: 096 900 4810